



Số: 08 /QĐ-UBND

Mang Yang, ngày 01 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Công bố kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện Mang Yang định kỳ từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2018

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN MANG YANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố kết quả rà soát các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện Mang Yang định kỳ từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2018, bao gồm:

- Danh mục 01: Văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện Mang Yang đến ngày 31/12/2018, gồm: 12 văn bản.

- Danh mục 02: Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện Mang Yang đến ngày 31/12/2018, gồm: 02 văn bản.

- Danh mục 03: Văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện Mang Yang đến ngày 31/12/2018: Không văn bản.

(Có các Danh mục văn bản kèm theo)

Điều 2: Căn cứ kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật được công bố tại Điều 1 Quyết định này, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện phối hợp với phòng Tư pháp thực hiện việc đăng tải kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân huyện theo quy định của pháp luật.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng
phòng Tư pháp huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch
UBND các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *khá*

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- UBND huyện;
- Công thông tin điện tử huyện;
- Như Điều 3;
- Lưu VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



khá
Lê Trọng'

**TỔNG HỢP CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG YANG CÒN HIỆU LỰC ĐẾN NGÀY 31/12/2018**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2019 của Chủ tịch UBND huyện)



Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Thời điểm có hiệu lực	Ghi chú
-----	------------------	--	---------------------	-----------------------	---------

I. NGHỊ QUYẾT					
1	Nghị quyết	09/2007/NQ-HĐND ngày 28/12/2007	V/v đồng ý cho chủ trương xây dựng đề án điều chỉnh địa giới hành chính xã Lơ Pang và xã Kon Chiêng	04/01/2008	Hết hiệu lực một phần
2	Nghị quyết	18/2011/NQ-HĐND ngày 28/12/2011	V/v phê chuẩn phân loại đơn vị hành chính huyện Mang Yang năm 2011	28/12/2011	Hết hiệu lực một phần
3	Nghị quyết	19/2011/NQ-HĐND ngày 28/12/2011	V/v phê chuẩn phân loại đơn vị hành chính các xã, thị trấn thuộc huyện Mang Yang năm 2011.	28/12/2011	Hết hiệu lực một phần
4	Nghị quyết	22/2011/NQ-HĐND ngày 28/12/2011	V/v thông qua quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu (2011-2015)	28/12/2011	Hết hiệu lực một phần
5	Nghị quyết	29/2012/NQ-HĐND ngày 27/7/2012	V/v xây dựng Nông thôn mới huyện Mang Yang giai đoạn 2010-2020, định hướng đến năm 2030.	03/8/2012	Hết hiệu lực một phần
6	Nghị quyết	08/2012/NQ-HĐND ngày 20/12/2012	V/v phê chuẩn đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Kon Dong, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai đến năm 2025	27/12/2012	Hết hiệu lực một phần

II. QUYẾT ĐỊNH					
1	Quyết định	52/2006/QĐ-UBND ngày 10/10/2006	V/v Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Thư viện huyện Mang Yang.	17/10/2006	Hết hiệu lực một phần
2	Quyết định	79/2007/QĐ-UBND ngày 06/9/2007	V/v ban hành Chương trình hành động của UBND huyện về công tác xóa đói giảm nghèo giai đoạn 2007-2010 và định hướng đến 2020.	13/9/2007	Hết hiệu lực một phần
3	Quyết định	94/2007/QĐ-UBND ngày 30/10/2007	V/v Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng.	06/11/2007	Hết hiệu lực một phần
4	Quyết định	01/2013/QĐ-UBND ngày 28/8/2013	V/v hủy bỏ Quyết định số 44/2006/QĐ-UBND ngày 28/8/2006 của Ủy ban nhân dân huyện Mang Yang	04/9/2013	

Handwritten signature and initials at the bottom left of the page.

5	Quyết định	01/2015/QĐ-UBND ngày 07/9/2015	V/v ban hành quy chế quản lý quỹ hoạch, kiến trúc đô thị thị trấn Kon Dong, huyện Mang Yang	14/9/2015	
III. CHỈ THỊ					
1	Chỉ thị	01/2015/CT-UBND ngày 30/10/2015	V/v tiếp tục sắp xếp bộ phận một cửa thực hiện nghiêm túc các quy định về kiểm soát thủ tục hành chính và giải quyết thủ tục hành chính	06/11/2015	
Tổng số: 12 Văn bản.					

1.000

DANH MỤC 02

TỔNG HỢP CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN

HUYỆN MANG YANG HẾT HIỆU LỰC ĐẾN NGÀY 31/12/2018

(Ban hành kèm theo Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chủ tịch UBND huyện)



Sr	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
----	------------------	--	---------------------	------------------------------------	-----------------------------------

I. QUYẾT ĐỊNH

1	Quyết định	02/2011/QĐ-UBND ngày 24/11/2011	V/v ban hành quy trình giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai và giải quyết khiếu nại, tố cáo của các cơ quan nhà nước huyện Mang Yang.	Bị thay thế bởi Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Đất đai năm 2013; Luật Khiếu nại năm 2011; Luật Tố cáo năm 2018; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.	01/7/2012
---	------------	---------------------------------	--	--	-----------

II. CHỈ THỊ

1	Chỉ thị	03/2011/CT-UBND ngày 19/5/2011	V/v nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác văn bản trên địa bàn huyện Mang Yang	Thay thế bởi Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015	01/7/2016
---	---------	--------------------------------	---	--	-----------

Tổng cộng: 02 Văn bản.



DANH MỤC 03

Văn bản quy phạm pháp luật cần được chỉ việc thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới của HĐND, UBND huyện từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2018

(Ban hành kèm theo Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2019 của Chủ tịch UBND)



Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu, ngày, tháng năm ban hành văn bản	Tên gọi văn bản	Kiến nghị (định chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ lý do kiến nghị	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý, tình hình xây dựng
0							

Nguyễn Văn...



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN MANG YANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 48 /2011/NQ-HĐND

Mang Yang, ngày 28 tháng 12 năm 2011

NGHỊ QUYẾT

Phê chuẩn phân loại đơn vị hành chính
huyện Mang Yang năm 2011

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN MANG YANG KHOÁ III, KỲ HỌP THỨ II

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 2003;

Căn cứ Nghị định số: 15/2007/NĐ-CP ngày 26/01/2007 của Chính phủ "Về phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh và cấp huyện"; Thông tư: 05/2007/TT-BNV ngày 21/6/2007 của Bộ Nội vụ "Hướng dẫn thực hiện một số điều quy định tại Nghị định số: 15/2007/NĐ-CP ngày 26/01/2007 của Chính phủ về phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh và cấp huyện";

Xét báo cáo số: 198/BC-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2011 của UBND huyện Mang Yang "Về số liệu các tiêu chí để tính điểm phân loại đơn vị hành chính huyện Mang Yang"; Tờ trình số: 106/TTr-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2011 của UBND huyện Mang Yang "V/v Đề nghị phê chuẩn phân loại đơn vị hành chính huyện Mang Yang năm 2011",

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân huyện Mang Yang thống nhất phê chuẩn phân loại đơn vị hành chính huyện Mang Yang năm 2011, là đơn vị hành chính cấp huyện đạt loại II (kèm theo hồ sơ phân loại đơn vị hành chính huyện Mang Yang).

Điều 2. Giao cho UBND huyện Mang Yang hoàn tất thủ tục và trình Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai xem xét quyết định.

Nghị quyết này đã được HĐND huyện Mang Yang kỳ họp thứ 2, khóa III thông qua ngày 21 tháng 12 năm 2011./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh (B/c);
- TT Huyện uỷ (B/c);
- Sở Tư pháp;
- Đoàn đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND, UBMTTQ huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- TT HĐND các xã, thị trấn;
- Lưu VT, HĐ.



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN MANG YANG

Số: 19 /2011/NQ-HĐND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mang Yang, ngày 28 tháng 12 năm 2011

NGHỊ QUYẾT

Phê chuẩn phân loại đơn vị hành chính
các xã, thị trấn thuộc huyện Mang Yang năm 2011

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN MANG YANG KHOÁ III, KỲ HỌP THỨ II

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 2003;

Căn cứ Nghị định số: 159/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ "về phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn";

Xét Tờ trình số: 105/TTr-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2011 của UBND huyện Mang Yang "V/v đề nghị phê chuẩn phân loại đơn vị hành chính xã, thị trấn thuộc huyện Mang Yang năm 2011"; Đề án số: 05/ĐA-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2011 của UBND huyện Mang Yang "V/v phân loại đơn vị hành chính xã, thị trấn thuộc huyện Mang Yang năm 2011",

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân huyện Mang Yang đồng ý phê chuẩn Đề án phân loại đơn vị hành chính xã, thị trấn thuộc huyện Mang Yang năm 2011.

(Có Đề án phân loại đơn vị hành chính xã, thị trấn kèm theo).

Điều 2. Giao cho UBND huyện Mang Yang hoàn tất thủ tục và trình UBND tỉnh Gia Lai xem xét, quyết định.

Nghị quyết này đã được HĐND huyện Mang Yang khoá III, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 21 tháng 12 năm 2011./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- TT HĐND huyện;
- UBND huyện;
- Các ĐB HĐND huyện;
- Lưu VT, HĐ.



VÕ VĂN BÌNH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN MANG YANG
Số: 49./2007/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Mang Yang, ngày 28 tháng 12 năm 2007.

NGHỊ QUYẾT

V/v đồng ý cho chủ trương xây dựng Đề án
điều chỉnh địa giới hành chính xã Lơ Pang và xã Kon Chiêng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN MANG YANG
KHOÁ II – KỲ HỌP THỨ MƯỜI HAI
(Từ ngày 27/12 đến 28/12 năm 2007)

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 2003;

Căn cứ Quyết định số: 64B/HĐBT ngày 12/9/1981 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) "V/v điều chỉnh địa giới hành chính đối với một số huyện, xã có địa giới hành chính chưa hợp lý";

Sau khi xem xét Tờ trình số: 88/TT-UBND ngày 24/12/2007 của UBND huyện Mang Yang "V/v xin chủ trương xây dựng đề án điều chỉnh địa giới hành chính xã Lơ Pang và xã Kon Chiêng" và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND huyện, kỳ họp thứ 12, khóa II,

QUYẾT NGHỊ:

1. Hội đồng nhân dân huyện Mang Yang thống nhất chủ trương cho UBND huyện xây dựng Đề án điều chỉnh địa giới hành chính các xã Lơ Pang và xã Kon Chiêng.

2. Giao cho UBND huyện Mang Yang hoàn tất thủ tục, hồ sơ theo quy định và trình ra kỳ họp HĐND huyện lần thứ 13 xem xét quyết nghị.

Nghị quyết này đã được HĐND huyện Mang Yang kỳ họp thứ 12, khóa II thông qua ngày 28 tháng 12 năm 2007./.

Nơi nhận:

- TTr. Huyện uỷ (b/c);
- TTr. HĐND tỉnh (b/c);
- Sở Tư pháp;
- Đoàn đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND, UBMTTQ huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- TTr HĐND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, CVTTr HĐ.

CHỦ TỊCH



Huỳnh Ngọc Tục

Số: 02 /2011/NQ-HĐND

Mang Yang, ngày 08 tháng 12 năm 2011

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020,
kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu (2011 - 2015) của huyện Mang Yang.**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN MANG YANG KHOÁ III, KỲ HỌP THỨ 2

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ
“*Quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường,
hỗ trợ và tái định cư*”;

Căn cứ Thông tư số 19/2009/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi
trường “*Quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh và thẩm định quy hoạch, kế hoạch
sử dụng đất*”;

Sau khi xem xét Báo cáo thuyết minh và Tờ trình số: 104./TTr-UBND
ngày 15.. tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân huyện Mang Yang “*Về việc đề
nghị thông qua quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ
đầu (2011 - 2015) của huyện Mang Yang*”,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân huyện thống nhất thông qua quy hoạch sử
dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu (2011 - 2015) của huyện
Mang Yang (Có báo cáo thuyết minh kèm theo).

Điều 2. Giao cho Ủy ban nhân dân huyện Mang Yang lập thủ tục trình Ủy
ban nhân dân tỉnh Gia Lai xét duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế
hoạch sử dụng đất kỳ đầu của huyện Mang Yang và thực hiện tốt các nội dung
quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai, trong đó lưu ý những mục tiêu và giải
pháp sau:

2.1. Chỉ đạo các cấp các ngành triển khai thực hiện quy hoạch kế hoạch sử
dụng đất, công bố công khai quy hoạch; tạo điều kiện thuận lợi cho các đối
tượng sử dụng đất, khuyến khích đầu tư phát triển kinh tế - xã hội.

2.2. Bảo đảm lợi ích lâu dài đối với diện tích được quy hoạch chuyên
trồng lúa nước, bảo đảm an ninh lương thực như: kiểm soát chặt chẽ, thu thuế
thích đáng khi chuyển đất lúa nước sang các mục đích khác; khuyến khích người
trồng lúa; đền bù thỏa đáng để có thể khai hoang, thâm canh tăng vụ bù vào diện
tích đất lúa nước bị mất do các nhu cầu bắt buộc.



2.3. Trên cơ sở quy hoạch được duyệt kiến nghị các cấp, các ngành, kêu gọi nhà đầu tư, bố trí đầy đủ kinh phí để hoàn thành hệ thống quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu (2011 - 2015) các cấp trên địa bàn huyện theo quy định của Luật Đất đai năm 2003. Ưu tiên nguồn vốn cho xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng thiết yếu đặc biệt là ở các khu vực khó khăn.

2.4. Bố trí ngân sách để hỗ trợ trong việc khai hoang, cải tạo đất, đền bù khi thu hồi đất; hỗ trợ kinh phí làm nhà ở, hỗ trợ về nhà ở đối với những hộ đồng bào quá khó khăn (*đặc biệt là đối với các hộ đồng bào hiện đang thiếu hoặc không có đất ở, đất sản xuất*)...

2.5. Tập trung giải quyết dứt điểm tình trạng thiếu đất ở và đất sản xuất của đồng bào dân tộc thiểu số cũng như giải quyết tốt vấn đề định canh, định cư để các hộ ổn định bền vững.

2.6. Khuyến khích khai hoang, phủ xanh đất trống đồi núi trọc, nuôi trồng thủy sản trên đất mặt nước hoang hóa nhằm đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng; đẩy mạnh trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng, tăng nhanh độ che phủ rừng lên đạt 60% vào năm 2015 và 65% vào năm 2020; bảo vệ nghiêm ngặt rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng đặc dụng... Đẩy nhanh việc áp dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất, nhất là các hoạt động công nghiệp, dịch vụ du lịch, khai thác khoáng sản... nhằm giảm thiểu những tác động xấu đến môi trường; tăng cường các biện pháp xử lý chất thải đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh môi trường trước khi thải ra bên ngoài ở các khu công nghiệp, các cơ sở sản xuất, các trung tâm y tế; phát triển vành đai xanh xung quanh các khu vực có khả năng gây ô nhiễm... Khuyến khích đầu tư thâm canh tăng vụ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng (*chuyển các khu vực diện tích trồng cà phê kém hiệu quả, không phù hợp với điều kiện đất đai... sang phát triển các loại cây trồng khác có hiệu quả cao hơn trên địa bàn huyện*), nâng cao hiệu quả sử dụng đất trên quan điểm phát triển bền vững gắn chặt với bảo vệ tài nguyên đất và môi trường sinh thái.

2.7. Tiếp tục rà soát quỹ đất của các xã để đáp ứng nhu cầu đất ở của nhân dân. Tiếp tục rà soát, thu hồi quỹ đất sản xuất của các nông, lâm trường và khai hoang đất chưa sử dụng bố trí cho các hộ không có hoặc thiếu đất sản xuất. Đối với những địa phương không còn quỹ đất để giao, cần tập trung vào các giải pháp, chính sách hỗ trợ khác như: Khuyến khích các doanh nghiệp nông, lâm trường thu nhận, tuyển dụng lao động là đồng bào dân tộc thiểu số, trong đó ưu tiên đối tượng thụ hưởng theo Quyết định 132 và 134 và các chính sách ưu đãi được quy định trong Quyết định 231/2005/QĐ-TTg ngày 22/9/2005 của Thủ tướng Chính phủ. Triển khai giao rừng, khoán bảo vệ rừng cho các hộ gia đình và cộng đồng trong buôn làng là đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ Tây Nguyên theo Quyết định 304/2005/QĐ-TTg ngày 23/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ. Hỗ trợ đồng bào chuyển sang làm nghề phi nông nghiệp, đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm, cho vay vốn, lồng ghép thực hiện các dự án để tạo thêm việc làm mới, tổ chức cho lao động là người dân tộc thiểu số có đủ điều kiện đi xuất khẩu lao động,...

2.8. Trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cần xác định và tổ chức thu hồi đất theo phương châm làm đến đâu thu hồi đến đó, tránh tình trạng thu hồi đất đang sản xuất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp nhưng không hoặc chưa xây dựng công trình dẫn đến tình trạng “treo”. Phải gắn lợi ích của Nhà nước - nhà đầu tư - hộ nông dân bị thu hồi đất trên quan điểm cùng có lợi, đảm bảo công bằng xã hội.

2.9. Phối hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, phát triển đô thị, đầu tư hạ tầng kỹ thuật với việc sử dụng đất theo phương án quy hoạch để nâng cao tính thực tiễn, hiệu quả sử dụng đất. Đưa các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất vào hệ thống chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để tránh vi phạm pháp luật đất đai trong sử dụng. Xử lý nghiêm, dứt điểm những vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm tính pháp lý của quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Triển khai công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các nội dung quy hoạch sử dụng đất của huyện cũng như lập, xét duyệt và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã nhằm giám sát hoạt động của hệ thống quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, khắc phục các nhược điểm hiện có và phát huy hiệu quả của các quy hoạch đã được duyệt.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Mang Yang khoá III, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 21 tháng 12 năm 2011./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh (B/c);
- TT Huyện uỷ (B/c);
- TT HĐND huyện;
- Uỷ ban nhân dân huyện;
- Sở TN&MT tỉnh Gia Lai;
- Các vị đại biểu HĐND huyện;
- Ban KT - XH;
- Lưu: VT-HĐ. *lvt*



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN MANG YANG**

Số: 39/2012/NQ-HĐND
HUYỆN MANG YANG

Số: 4322
Ngày: 30/7
Chuyên:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mang Yang, ngày 27 tháng 7 năm 2012

NGHỊ QUYẾT

**Về xây dựng Nông thôn mới huyện Mang Yang
giai đoạn 2010-2020, định hướng đến năm 2030**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN MANG YANG KHÓA III-KỲ HỌP THỨ 3

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002 và Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ “về *Phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020*”;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng chính phủ “về việc ban hành *Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới*”; Căn cứ Thông tư số 54/2009/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn “*Về việc hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới*”;

Căn cứ Quyết định 12/QĐ-UBND ngày 06/01/2011 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành Hướng dẫn xây dựng nông thôn mới trên tỉnh Gia Lai giai đoạn 2010-2020.

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13/4/2011 của liên Bộ: Nông nghiệp&PTNT, Kế hoạch&ĐT, Tài chính “*Hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 4/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020*”

Xét đề nghị của Ủy ban Nhân dân huyện tại Tờ trình số 50/TTr-UBND ngày 13/7/2012 “*V/v xây dựng nông thôn mới huyện Mang Yang giai đoạn 2010-2020, định hướng đến năm 2030*”; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng Nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của các Đại biểu Hội đồng Nhân dân huyện,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua một số nội dung cơ bản của Đề án xây dựng nông thôn mới huyện Mang Yang giai đoạn 2010- 2020 như sau:

1. Mục tiêu chung:

Xây dựng nông thôn mới huyện Mang Yang có kết cấu hạ tầng Kinh tế - Xã hội đồng bộ và từng bước hiện đại; chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa hiệu quả kinh tế cao và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý; gắn nông nghiệp với phát triển công nghiệp dịch vụ; gắn xây dựng nông thôn với đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh chính trị được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của nông dân ngày càng được nâng cao.

2. Mục tiêu cụ thể:

a) Đến năm 2015

- Có 2 đến 3 xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới.
- 100% xã hoàn thành quy hoạch chung trong năm 2011.
- 100% xã có đường giao thông đến trung tâm xã được nhựa hóa, bê tông hóa; 50% xã có đường trục thôn, làng, ngõ xóm cứng hóa; 35% xã đạt kiên cố hóa kênh mương; 100% thôn làng có điện lưới quốc gia đảm bảo yêu cầu kỹ thuật ngành điện, đáp ứng 98% hộ dùng điện; 30% xã có trường mầm non, mẫu giáo tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia; 30% xã có nhà văn hóa, khu thể thao, thể dục; 30% xã có chợ nông thôn đạt chuẩn theo Bộ Xây dựng quy định; 100% xã có điểm phục vụ bưu chính viễn thông; 50% xã có điểm internet; 100% xã không còn nhà dột nát; 30% hộ dân ở các xã có nhà ở đạt tiêu chuẩn quy định của Bộ Xây dựng.

- Thu nhập đầu người/năm tăng gấp 1,3 lần so với năm 2010; tỷ lệ hộ nghèo nông thôn hàng năm giảm từ 4% trở lên. Tỷ lệ độ tuổi lao động trong nông nghiệp giảm xuống dưới 70%.

- Tập trung xây dựng trường chuẩn quốc gia tại 2 xã Ayun và Kon Thup vào năm 2015. Huy động trên 95% trẻ em trong độ tuổi đến lớp; 100% trạm y tế đạt chuẩn quốc gia về y tế xã; Gia đình văn hóa đạt 90% thôn, làng văn hóa 75%; 100% khu dân cư tiên tiến và 75% đơn vị, trường học văn hóa.

- 85% số xã có hệ thống chính trị vững mạnh và 85% số xã đạt chuẩn về an ninh, trật tự xã hội.

b) Đến năm 2020:

- Có hơn 9/11 xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới. Huyện đạt tiêu chuẩn nông thôn mới.

- Có 85% xã có đường trục thôn, làng, ngõ xóm cơ bản cứng hóa đạt 70% theo tiêu chuẩn Bộ Xây dựng quy định; 85% xã đạt kiên cố hóa kênh mương; 100% thôn làng có điện lưới quốc gia đảm bảo yêu cầu kỹ thuật ngành điện, đáp ứng 98% hộ dùng điện; 45% xã có trường mầm non, mẫu giáo tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia; 85% xã có nhà văn hóa, khu thể thao, thể dục; 85% xã có chợ nông thôn đạt chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng; có 85% xã có điểm internet đến thôn, làng; 70% hộ dân ở các xã có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định Bộ Xây dựng.

- Thu nhập bình quân đầu người/năm tăng gấp 1,5-2 lần so với năm 2010; tỷ lệ hộ nghèo nông thôn còn dưới 5% (theo chuẩn nghèo tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/01/2011). Tỷ lệ lao động trong nông nghiệp giảm xuống dưới 55%.

- 100% người dân tham gia hình thức bảo hiểm y tế; Gia đình văn hóa đạt 90%; thôn, làng văn hóa đạt 75%; 100% khu dân cư tiên tiến và 75% đơn vị, trường học văn hóa.

- 95% số xã đạt chuẩn về hệ thống chính trị vững mạnh, 95% số xã đạt chuẩn về an ninh, trật tự xã hội.

3. Quan điểm thực hiện đề án nông thôn mới huyện Mang Yang

- Xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ trọng yếu của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Xây dựng nông thôn mới theo phương châm phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư địa phương là chính; các hoạt động cụ thể do chính cộng đồng người dân ở thôn, xã bàn bạc dân chủ để quyết định và tổ chức thực hiện và người dân được hưởng thụ.

- Thực hiện chương trình nông thôn mới trên cơ sở kế thừa và lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình hỗ trợ có mục tiêu, các chương trình, dự án khác đang triển khai ở nông thôn, có bổ sung dự án hỗ trợ đối với các lĩnh vực cần thiết; có cơ chế, chính sách khuyến khích mạnh mẽ đầu tư của các thành phần kinh tế; huy động đóng góp của các tầng lớp dân cư.

- Tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng – xã hội trọng yếu; tiến hành đồng thời ở tất cả các xã, thực hiện đồng bộ ở các tiêu chí, tập trung đầu tư hoàn thành dứt điểm từng tiêu chí nhằm phát huy hiệu quả đầu tư.

4. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân với sự nghiệp phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Nâng cao chất lượng qui hoạch và quản lý qui hoạch.

- Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn đồng bộ đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp gắn với công nghiệp, dịch vụ theo quy hoạch như: Đường giao thông nông thôn, hệ thống thủy lợi, mạng lưới điện nông thôn, hệ thống trường học, cơ sở vật chất văn hóa, hệ thống chợ nông thôn... Xây dựng các khu sản xuất tập trung: trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, chế biến nông lâm thủy sản, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề nông thôn.

- Đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ công tác xây dựng nông thôn mới.

- Tăng cường công tác khuyến nông; đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông – lâm – ngư nghiệp.

- Phát triển kinh tế hộ, kinh tế tập thể ở vùng nông thôn.

- Cùng cố tổ chức, mạng lưới y tế cơ sở, hoàn thiện và nâng cao các dịch vụ y tế phục vụ chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân; giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, an ninh, quốc phòng.

- Cùng cố, nâng cao chất lượng, vai trò của chính quyền và các tổ chức chính trị xã hội ở cơ sở.

5. Các nội dung khác: Thống nhất theo nội dung Tờ trình số: 50/TTr-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân huyện Mang Yang và đề án kèm theo.

Điều 2. Về cơ chế, chính sách xây dựng nông thôn mới:

1. Cơ chế hỗ trợ đầu tư từ nguồn vốn Ngân sách nhà nước: Hỗ trợ đầu tư tối thiểu theo cơ chế hiện hành của tỉnh, TW:

- Đầu tư 100% công tác quy hoạch; đường giao thông đến trung tâm xã; xây dựng trụ sở xã; xây dựng trường học đạt chuẩn; xây dựng trạm y tế xã; xây dựng nhà văn hóa xã; kinh phí cho công tác đào tạo kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho cán bộ xã, cán bộ thôn bản, cán bộ HTX; kênh mương loại 1, 2; hồ, đập.

- Hỗ trợ một phần cho xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt phân tán, thoát nước thải khu dân cư; đường giao thông thôn, xóm; kênh mương loại 3; điện hạ áp sinh hoạt nông thôn; phát triển sản xuất và dịch vụ; công trình thể thao thôn, bản; hạ tầng các khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản theo quy định.

2. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn Ngân sách nhà nước chương trình nông thôn mới:

a) Thực hiện đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và Luật Đầu tư. Các tiêu chí và định mức phân bổ của Đề án được áp dụng riêng cho Chương trình nông thôn mới.

b) Đảm bảo công khai, minh bạch, tạo sự cân đối giữa các xã; đảm bảo hoàn thành các mục tiêu của đề án.

3. Các chính sách phát triển kinh tế - xã hội:

Giao UBND huyện chỉ đạo các ngành rà soát các cơ chế chính sách hiện có liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn đề xuất các cơ chế, chính sách đặc thù phù hợp với chính sách hiện hành.

Điều 3. Vốn và nguồn vốn thực hiện đề án:

3.1 Tổng vốn đầu tư 1.696,801 tỷ đồng (trong đó: Vốn lồng ghép 392,386 tỷ đồng, vốn trực tiếp chương trình 300,294 tỷ đồng, vốn tín dụng 509,040 tỷ đồng, vốn doanh nghiệp 339,360 tỷ đồng, vốn nhân dân đóng góp 155,721 tỷ đồng).

3.2 Phân kỳ đầu tư: Cả giai đoạn từ 2010-2020 tổng vốn 1.696,801 tỷ đồng, trong đó giai đoạn 2010-2016 là 950,171 tỷ đồng.

Hàng năm UBND huyện báo cáo Hội đồng nhân dân huyện việc phân bổ ngân sách tỉnh, TW phân bổ có mục tiêu và cân đối vốn Ngân sách huyện thực hiện các nhiệm vụ đầu tư để điều chỉnh cơ cấu vốn theo từng lĩnh vực thuộc đề án để đẩy nhanh tiến độ đầu tư, hoàn thành các tiêu chí theo mục tiêu cụ thể đề ra.

Điều 4. Hội đồng Nhân dân huyện giao:

- Ủy ban Nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
- Thường trực, HĐND các Ban, HĐND các đại biểu Hội đồng Nhân dân huyện có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Mang Yang khoá III, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 24 /7/2012 và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TTr HĐND tỉnh;
- TTr Huyện ủy;
- Ban KT-XH, HĐND huyện;
- UBND Huyện;
- HĐND các xã, TT;
- Lưu VT-KT-XH.

**TM. HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đ/c Lan Anh

VĂN PHÒNG HĐND&UBND HUYỆN

Số: 622/SYBC- VP

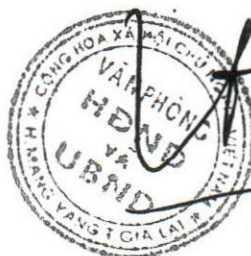
Nơi nhận:

- CT; các PCT;
- Phòng NN-PTNT;
- Đ/c Lan Anh; Luyện; Hạnh/.

SAO Y BẢN CHÍNH

Mang Yang, ngày 31 tháng 7 năm 2012

CHÁNH VĂN PHÒNG



Hoàng Thị Lan Anh

Số: 52/2006/QĐ-UBND

Mang Yang, ngày 10 tháng 10 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của Thư viện huyện Mang Yang

HOẠT ĐỘNG

NGÀY 10.10.06

HUYỆN

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Thư viện số: 31/2000/PL-UBTVQH10 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa X ban hành ngày 28 tháng 12 năm 2000;

Căn cứ Thông tư số: 56/2003/TT-BVHTT ngày 16 tháng 9 năm 2003 của Bộ Văn hóa Thông tin hướng dẫn chi tiết về điều kiện thành lập thư viện và thủ tục đăng ký hoạt động thư viện;

Căn cứ Công văn số: 91/VHTT-TV ngày 01 tháng 6 năm 2006 của Sở Văn hóa thông tin tỉnh Gia Lai “Về việc hướng dẫn triển khai Quy chế về tổ chức và hoạt động của Thư viện cấp huyện”;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Văn hóa Thông tin – Thể thao huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về tổ chức và hoạt động của Thư viện huyện Mang Yang.

Điều 2. Chánh văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Văn hóa Thông tin – Thể thao huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;

- Lưu VT – VX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Ký CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



NGUYỄN NHƯ PHÍ

QUY CHẾ

Về tổ chức và hoạt động của Thư viện huyện Mang Yang

(Ban hành kèm theo Quyết định số: ~~52~~ 2006/QĐ-UBND ngày ~~10~~ tháng ~~10~~ năm 2006 của Ủy ban nhân dân huyện Mang Yang)

CHƯƠNG I

VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, ĐỐI TƯỢNG PHỤC VỤ VÀ NHIỆM VỤ

Điều 1. Vị trí, chức năng

Thư viện huyện Mang Yang là đơn vị sự nghiệp văn hóa thông tin, được thành lập theo Quyết định số: 22/2002/QĐ-UB ngày 24 tháng 4 năm 2002 của Ủy ban nhân dân huyện Mang Yang, có chức năng xây dựng và tổ chức việc sử dụng chung vốn tài liệu thư viện phục vụ nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng của địa phương.

Về quy mô tổ chức hoạt động Thư viện huyện Mang Yang trực thuộc dưới sự quản lý của cơ quan chủ quản là Phòng Văn hóa Thông tin - Thể thao huyện.

Điều 2. Đối tượng phục vụ

Đối tượng phục vụ của Thư viện cấp huyện là các tầng lớp nhân dân và cán bộ, công chức, viên chức, cán bộ khoa học, kỹ thuật của các cơ quan chuyên môn, tổ chức sản xuất, người làm công tác giảng dạy, học sinh, sinh viên ở địa phương.

Điều 3. Nhiệm vụ

1. Xây dựng kế hoạch hoạt động dài hạn, ngắn hạn của Thư viện và tổ chức thực hiện sau khi cơ quan chủ quản phê duyệt.

2. Tổ chức phục vụ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người được sử dụng vốn tài liệu thư viện, tổ chức các hình thức phục vụ, mở cửa thư viện theo ngày, giờ nhất định phù hợp với điều kiện công tác của cán bộ công chức, sản xuất và sinh hoạt của nhân dân địa phương, không đặt ra các quy định làm hạn chế quyền sử dụng vốn tài liệu thư viện của người đọc.

3. Xây dựng vốn tài liệu thư viện phù hợp với trình độ, nhu cầu của nhân dân, đặc điểm và yêu cầu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương.

Tăng cường vốn tài liệu thư viện thông qua việc tiếp nhận sách luân chuyển từ thư viện tỉnh hoặc thực hiện việc mượn, trao đổi tài liệu với các thư viện khác.

Thực hiện việc thanh lọc ra khỏi kho các tài liệu không còn giá trị sử dụng theo quy định của Bộ Văn hóa thông tin.

4. Thường xuyên tổ chức các hoạt động thông tin, tuyên truyền giới thiệu sách, báo để thu hút người đọc đến sử dụng vốn tài liệu thư viện; xây dựng và hình thành thói quen đọc sách, báo trong nhân dân ở địa phương.

5. Tổ chức các dịch vụ thông tin thư viện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

6. Tham gia xây dựng và phát triển mạng lưới thư viện, phòng đọc; sách hướng dẫn nghiệp vụ cho các thư viện, phòng đọc sách trên địa bàn.

7. Từng bước triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của thư viện.

8. Thực hiện báo cáo định kỳ hàng tháng, 6 tháng, hàng năm và báo cáo đột xuất về tình hình hoạt động của thư viện với cơ quan chủ quản và thư viện tỉnh.

9. Thực hiện các nhiệm vụ khác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của thư viện do cơ quan chủ quản giao.

CHƯƠNG II

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ CƠ CHẾ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG CỦA THƯ VIỆN

Điều 4. Tiêu chuẩn thư viện và đăng ký hoạt động thư viện

Thư viện huyện được thành lập theo Quyết định số: 22/2002/QĐ-UB ngày 24 tháng 4 năm 2002 của Ủy ban nhân dân huyện Mang Yang, đảm bảo các tiêu chuẩn và thực hiện việc đăng ký hoạt động với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định tại Thông tư 56/2003/TT-BVHTT ngày 16 tháng 9 năm 2003 của Bộ Văn hóa thông tin hướng dẫn chi tiết về điều kiện thành lập thư viện và thủ tục đăng ký hoạt động thư viện.

Điều 5. Tên gọi và địa chỉ

Tên gọi: Thư viện huyện Mang Yang.

Địa chỉ: Đường Trần Phú, thị trấn Kon Dong, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai.

Điều 6. Cơ cấu tổ chức của Thư viện

Thư viện huyện có nhiệm vụ xây dựng, bổ sung và xử lý kỹ thuật vốn tài liệu thư viện; Lập danh mục tài liệu theo yêu cầu người đọc; Biên soạn các bản thông tin thư mục; Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu qua sách báo trên quy mô toàn huyện và các hoạt động thông tin, tuyên truyền giới thiệu sách, báo khác.

Tổ chức phục vụ tài liệu thư viện, đáp ứng yêu cầu về sử dụng vốn tài liệu thư viện thông qua hình thức đọc tại chỗ và mượn về nhà; Tổ chức các hoạt động thông tin, tuyên truyền giới thiệu sách, báo nhằm thu hút người đọc sử dụng vốn tài liệu thư viện.

Tổ chức phục vụ ngoài thư viện, thực hiện luân chuyển sách báo xuống các thư viện phòng đọc sách cơ sở, các điểm bưu điện văn hoá xã, tủ sách pháp luật và các mô hình thư viện mang tính chất công cộng khác. Tiếp nhận sách luân chuyển từ thư viện tỉnh; Thực hiện mượn, trao đổi tài liệu với các thư viện khác.

Điều 7. Biên chế

Phòng Văn hóa Thông tin – Thể thao cơ quan chủ quản của Thư viện, chủ trì phối hợp với Phòng Nội vụ - Lao động, trình Ủy ban nhân dân huyện Quyết định số lượng biên chế cần thiết để Thư viện huyện triển khai đầy đủ các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ được quy định tại điều 3 và điều 7 của quy chế này.

Việc bố trí, sử dụng viên chức của thư viện phải căn cứ vào chức danh chuyên môn và tiêu chuẩn ngạch viên chức Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Quan hệ công tác

1. Với cơ quan chủ quản:

Thư viện huyện chịu sự chỉ đạo, quản lý điều hành về tổ chức, biên chế và hoạt động của cơ quan chủ quản Phòng Văn hóa Thông tin – Thể thao.

2. Với Thư viện tỉnh:

Thư viện huyện chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Thư viện tỉnh Gia Lai.

3. Với thư viện, phòng đọc sách ở cơ sở:

Thư viện huyện hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ cho các thư viện, phòng đọc sách ở cơ sở theo yêu cầu của Phòng Văn hóa Thông tin - Thể thao.

4. Với các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị, các tổ chức xã hội trên địa bàn huyện là mối quan hệ phối hợp về công tác.

CHƯƠNG III TÀI CHÍNH CỦA THƯ VIỆN

Điều 9. Nguồn tài chính

1. Nguồn ngân sách Nhà nước cấp, bao gồm:

- a) Kinh phí đảm bảo cho thư viện hoạt động theo kế hoạch được giao.
- b) Kinh phí đầu tư cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động sự nghiệp theo kế hoạch hàng năm đã được phê duyệt.

2. Nguồn thu sự nghiệp bao gồm:

- a) Thu từ phí làm thẻ bạn đọc.
- b) Các khoản thu khác như viện trợ, quà biếu, tặng của các tổ chức, cá nhân.

Điều 10. Nội dung chi

1. Chi bổ sung vốn tài liệu và tổ chức các hoạt động thường xuyên theo chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch đã được phê duyệt.

2. Chi cho viên chức thư viện bao gồm: Tiền lương, các khoản phụ cấp lương các khoản trích bảo hiểm y tế, xã hội.

3. Chi công tác phí, tham dự các hội nghị, các lớp tập huấn bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ do đơn vị ngành dọc cấp trên tổ chức.

4. Chi cho các hoạt động có tổ chức thu phí.

5. Chi đầu tư phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động sự nghiệp.

6. Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Cơ chế cấp kinh phí

1. Từ nguồn ngân sách Nhà nước.

Kinh phí hàng năm của thư viện do Ủy ban nhân dân huyện cấp thông qua cơ quan chủ quản. Cơ quan chủ quản có trách nhiệm đảm bảo cấp đầy đủ kinh phí cho thư viện hoạt động theo kế hoạch công tác hàng năm đã được phê duyệt.

2. Từ nguồn thu sự nghiệp.

a. Việc sử dụng nguồn thu sự nghiệp của thư viện theo quy định của pháp luật.

b. Thư viện có trách nhiệm quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn tài chính và thực hiện chế độ kế toán theo quy định của Nhà nước.

CHƯƠNG IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Trưởng phòng Văn hóa Thông tin – Thể thao huyện Mang Yang, cán bộ chuyên trách công tác Thư viện huyện và nhân viên các Bưu điện văn hóa xã chịu trách nhiệm thi hành quy chế này.

Trong quá trình thực hiện nếu có những vấn đề gì cần bổ sung, sửa đổi phải báo cáo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân huyện để xem xét bổ sung, sửa đổi kịp thời. Những quy định trước đây trái với quy chế này đều bãi bỏ. /.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

KÝ CHỮ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

NGUYỄN NHƯ PHI

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG YANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **79**/2007/QĐ-UBND

Mang Yang, ngày 06 tháng 9 năm 2007.

QUYẾT ĐỊNH

**V/v ban hành Chương trình hành động của UBND huyện về
công tác xóa đói giảm nghèo giai đoạn 2007 - 2010 và định hướng đến năm 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 2003;

Căn cứ Quyết định số: 20/2007/QĐ-TTg ngày 05/02/2007 của Thủ tướng Chính phủ "V/v phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006 - 2010";

Căn cứ Nghị quyết số: 03-NQ/HU ngày 17/4/2007 của BCH Đảng bộ huyện khóa XIV về XĐGN giai đoạn 2006 - 2010; Chương trình hành động số: 10-CTr-HU ngày 20/4/2007 của Ban Thường vụ Huyện ủy Mang Yang "V/v thực hiện Nghị quyết lần thứ 6 BCH Đảng bộ tỉnh (khóa XIII) và tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động XĐGN, định canh định cư giai đoạn 2007 - 2010 và định hướng đến 2020";

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ - Lao động huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chương trình hành động của UBND huyện "Về công tác xóa đói giảm nghèo giai đoạn 2007 - 2010 và định hướng đến năm 2020" trên địa bàn huyện Mang Yang (có Chương trình hành động kèm theo).

Điều 2. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Nội vụ - Lao động huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch UBND các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở LĐTB&XH tỉnh (b/c);
- TT. Huyện ủy (b/c);
- TT. HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- UBMTTQ, các đoàn thể huyện;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Như điều 3;
- Lưu VT, VX, NVLĐ.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH**



LƯƠNG NGỌC THIẾT

...
...
...

...
...
...

...
...
...

...
...
...
...
...

...
...
...
...
...

...
...
...

...
...
...

...
...
...
...
...



NGUYỄN NGỌC THIỆP

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

Về thực hiện công tác xóa đói giảm nghèo giai đoạn 2007-2010 và định hướng đến năm 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số: ~~79~~⁶⁶/QĐ-UBND ngày 06/9/2007 của UBND huyện Mang Yang)

Sau hơn 6 năm thực hiện Nghị quyết 09-NQ/TU của Tỉnh ủy (khóa XI) về cuộc vận động xóa đói giảm nghèo (XĐGN), đời sống vật chất, tinh thần của đại bộ phận nhân dân trên địa bàn huyện được cải thiện rõ rệt; hộ đói kinh niên không còn; tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh từ 27,24 % năm 2000 xuống còn 9,95% năm 2005 (theo tiêu chí cũ); tỷ lệ hộ khá và giàu ngày càng tăng. Tuy vậy, Mang Yang vẫn là một huyện nghèo của tỉnh Gia Lai; đời sống của đồng bào vùng sâu, vùng xa, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) còn nhiều khó khăn; chênh lệch mức sống giữa thị trấn và các xã, giữa đồng bào kinh và đồng bào DTTS còn lớn và ngày càng dẫn ra. Đến cuối năm 2006, tỷ lệ hộ nghèo của huyện chiếm 36,05 % (theo tiêu chí mới).

Căn cứ Quyết định số 20/2007/QĐ-TTg ngày 05/02/2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006 - 2010; Nghị quyết số: 03-NQ/HU ngày 17/4/2007 của BCH Đảng bộ huyện khóa XIV về XĐGN giai đoạn 2006 - 2010; Chương trình hành động số: 10-CTr-HU ngày 20/4/2007 của Ban Thường vụ Huyện ủy Mang Yang “V/v thực hiện Nghị quyết lần thứ 6 BCH Đảng bộ tỉnh (khóa XIII) và tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động XĐGN, định canh định cư giai đoạn 2007 - 2010 và định hướng đến 2020”; Xuất phát từ tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân huyện xây dựng “Chương trình hành động của ủy ban nhân dân huyện về xóa đói giảm nghèo, định canh định cư giai đoạn 2007-2010 và định hướng đến năm 2020” với các nội dung trọng tâm sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát:

Đẩy nhanh tốc độ giảm nghèo và công tác ĐCĐC vững chắc; củng cố thành quả giảm nghèo, tạo cơ hội cho hộ đã thoát nghèo vươn lên hộ khá; từng bước cải thiện điều kiện sống và sản xuất ở các xã nghèo, xã, làng đặc biệt khó khăn (ĐBK); nâng cao chất lượng cuộc sống của nhóm hộ nghèo, hạn chế gia tăng khoảng cách chênh lệch về thu nhập, mức sống giữa thành thị và nông thôn, giữa vùng đồng bào DTTS và vùng đồng bào kinh, giữa nhóm hộ giàu và nhóm hộ nghèo, hạn chế tái nghèo.

2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Mục tiêu giai đoạn 2007-2010:

Phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 20% vào cuối năm 2010, bình quân giảm khoảng 5 %/năm; đến năm 2010 không còn xã, làng ĐBK.

2.2 Mục tiêu đến năm 2015 và định hướng đến 2020:

Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XIV của huyện xác định tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 13,5%; đến cuối 2015 GDP bình quân đầu người đạt 12 triệu đồng/người/năm, là cơ sở tạo bước chuyển mạnh mẽ trong việc cải thiện đời sống vật chất, văn hóa tinh thần cho đồng bào nghèo. Đẩy mạnh phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội nhằm sớm rút ngắn khoảng cách chênh lệch về mức sống giữa các tầng lớp dân cư, đặc biệt là chênh lệch về thu

nhập và mức sống giữa vùng đồng bào DTTS và vùng đồng bào kinh, giữa các xã và thị trấn. Khai thác có hiệu quả tiềm năng và lợi thế của các địa phương, phấn đấu đến năm 2015 tỷ lệ hộ nghèo xuống còn dưới 10% (theo tiêu chí hiện nay); đến năm 2020 cơ bản thoát nghèo bền vững.

3. Các chỉ tiêu chủ yếu cần đạt được đến năm 2010 :

- Trong giai đoạn 2007-2010 mỗi năm toàn huyện phấn đấu giảm khoảng 5% hộ nghèo. Đến năm 2008 tất cả hộ chính sách, người có công với cách mạng có mức sống tối thiểu bằng hơn mức trung bình của khu dân cư;

- 100% hộ nghèo có nhu cầu được vay vốn của Ngân hàng chính sách xã hội;

- Đến 2010 không còn xã ĐBK, giảm 30% làng ĐBK;

- Mỗi năm tạo việc làm cho khoản từ 1.200 đến 2.000 lao động;

- Thực hiện khuyến nông-lâm-ngư, chuyển giao kỹ thuật, hướng dẫn cách làm an cho 100% hộ nghèo ;

- 100% người nghèo, người DTTS được khám, chữa bệnh miễn phí; 60% số trạm y tế xã có bác sỹ ;

- 100% con hộ nghèo đi học được giảm học phí theo quy định;

- 100% hộ người nghèo được tư vấn pháp lý miễn phí;

- 100% làng và hơn 95% số hộ được sử dụng điện ;

- 90% số hộ được sử dụng nước sạch trong sinh hoạt;

- 95% hộ đồng bào DTTS định canh định cư ổn định vững chắc ;

- Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng xuống dưới 26%.

- Hàng năm tranh thủ nguồn vốn của TW, của tỉnh liên kết tổ chức đào tạo nghề cho khoảng trên dưới 200 lao động nông thôn.

4. Đối tượng của chương trình:

Đối tượng là xã, làng ĐBK, xã nghèo, người nghèo, hộ nghèo; ưu tiên đối tượng hộ nghèo mà chủ hộ là phụ nữ, hộ nghèo DTTS, hộ nghèo có đối tượng bảo trợ xã hội (người già, người tàn tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt).

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU:

Để công tác xóa đói giảm nghèo (XDGN) trong thời gian tới được bền vững, cần tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu sau đây:

1. Thực hiện kế hoạch giảm nghèo hàng năm:

Trên cơ sở lộ trình giảm nghèo UBND huyện giao; UBND các xã, thị trấn lập kế hoạch giảm nghèo cho từng thôn, làng (tổ dân phố); tổ chức rà soát thực trạng đói nghèo của địa phương theo Thông tư số 04/2007/TT-BLĐTBXH ngày 28/02/2007 của Bộ Lao động - TBXH hướng dẫn quy trình rà soát hộ nghèo hàng năm lập danh sách cụ thể từng hộ đăng ký thoát nghèo để có những giải pháp trợ giúp phù hợp với từng hộ nghèo, nhằm giúp họ thoát nghèo bền vững.

2. Tạo điều kiện cho người nghèo phát triển sản xuất và ổn định cuộc sống:

2.1 Hỗ trợ trực tiếp cho hộ nghèo phát triển sản xuất và ổn định cuộc sống:

Tiếp tục tạo điều kiện cho người nghèo phát triển sản xuất như: giải quyết đất sản xuất, đất ở, nhà ở, nước sinh hoạt, thủy lợi, hỗ trợ giống cho trồng trọt và chăn nuôi.

Đối với đồng bào DTTS, tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình 134 của Chính phủ.

Đối với hộ kinh nghèo khó khăn về nhà ở không có khả năng tự khắc phục được: Hàng năm trên cơ sở kinh phí tỉnh hỗ trợ trực tiếp cho người kinh nghèo, huyện tiến hành giải quyết vấn đề nhà ở cho một bộ phận người kinh nghèo.

Đẩy mạnh phong trào đóng góp, xây dựng quỹ “Ngày vì người nghèo” để góp phần hỗ trợ hộ nghèo cải thiện nhà ở và phát triển sản xuất, cải thiện đời sống.

Ưu tiên cho những hộ đăng ký thoát nghèo được vay với mức vay thỏa đáng, đặc biệt vay vốn theo Quyết định số 32 của Thủ tướng Chính phủ, đối với các hộ có phương án sản xuất kinh doanh khả thi thì được vay vốn tối đa theo quy định của Ngân hàng chính sách xã hội. Đối với những hộ đã được vay vốn và sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả nếu có nhu cầu vay vốn bổ sung thì Ngân hàng Chính sách xã hội xem xét, tạo điều kiện cho vay bổ sung.

Hàng năm, huyện sử dụng có hiệu quả khoản ngân sách tỉnh phân bổ để hỗ trợ nhà ở, sản xuất, chăn nuôi, giải quyết việc làm, đào tạo nghề, xuất khẩu lao động cho người nghèo, người DTTS.

Thực hiện tốt chính sách trợ giá và cấp không thu tiền các mặt hàng chính sách như: Muối lốt, giống cây trồng, phân bón, vở học sinh, hỗ trợ mắc điện sinh hoạt... cho hộ đồng bào DTTS, hộ nghèo theo quy định.

2.2 Chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi cho phù hợp với từng vùng, từng loại đất canh tác, ứng dụng các tiến bộ KH-KT vào trong sản xuất.

Thông qua các cuộc tập huấn, trình diễn kỹ thuật, hội thảo đầu bờ để hướng dẫn người nghèo về tổ chức sản xuất, kế hoạch tiêu dùng. Đồng thời, hỗ trợ giống vật nuôi, cây trồng có năng suất cao nhằm nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho người nghèo, người DTTS.

Tăng các loại diện tích cây trồng chủ lực như cao su, mỳ, cà phê,... Chú trọng thực hiện có hiệu quả công tác giải quyết việc làm tăng việc sử dụng quỹ thời gian nhàn rỗi trong lao động nông thôn, nhằm tăng thu nhập cho bà con, đặc biệt đối với người DB DTTS nghèo.

2.3 Tăng cường công tác đào tạo nghề, tạo cho người nghèo có cơ hội tìm việc làm, xuất khẩu lao động tạo thêm thu nhập, nâng cao đời sống cho người lao động đặc biệt đối với người DB DTTS.

Sử dụng triệt để và có hiệu quả các nguồn vốn từ các chương trình, dự án đào tạo nghề được tỉnh và Trung ương cấp về; chú trọng đào tạo nghề cho lực lượng lao động là người DB DTTS; hàng năm đào tạo nghề cho khoảng trên dưới 200 lao động nông thôn.

3. Tạo cho người nghèo có cơ hội tiếp cận nhiều hơn với các chính sách xã hội:

3.1 Về y tế: Người nghèo được cấp thẻ BHYT kịp thời và được tạo điều kiện thuận lợi tiếp cận các dịch vụ y tế khi ốm đau; củng cố nâng cao chất lượng phục vụ các cơ sở y tế; nâng cao dần trình độ đội ngũ y tế cơ sở.

3.2 Về giáo dục: Nâng cao chất lượng hệ thống trường, lớp học, chuẩn hóa đội ngũ giáo viên nhằm đáp ứng yêu cầu giáo dục của giai đoạn mới; miễn giảm các khoản đóng góp cho con em hộ nghèo theo quy định.

3.3 Về văn hóa: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phục vụ cho nhân dân ở cơ sở về hưởng thụ văn hóa; tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, hướng dẫn người nghèo cách làm ăn, ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào sản xuất.

3.4 Về Dân số, Gia đình và Trẻ em: Thực hiện tốt công tác kế hoạch hóa gia đình, thực hiện mô hình gia đình ít con, khỏe mạnh.

3.5 Về trợ giúp pháp lý: củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của công tác trợ giúp pháp lý từ huyện đến xã nhằm nâng cao kiến thức của người dân trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

3.6 Hỗ trợ an sinh xã hội, trợ giúp các đối tượng yếu thế: Hỗ trợ các đối tượng rủi ro do thiên tai, hạn hán để ổn định cuộc sống (người tàn tật, người già cô đơn không nơi nương tựa, trẻ em mồ côi cả cha lẫn mẹ, ...) để từng bước hoà nhập cộng đồng.

4. Tăng cường thực hiện có hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho công tác xóa đói giảm nghèo:

Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả thông qua việc lồng ghép các chương trình 134, 135, 168, ... các chương trình mục tiêu quốc gia với kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của huyện.

Tập trung ưu tiên thực hiện công tác XDGN tại các xã ĐBKK: Kon Chiêng, Đắk Trôi, Đê Ar và 60 làng ĐBKK. Đồng thời tạo động lực thúc đẩy các làng, xã, thị trấn còn lại phát huy nội lực, thu hút các nguồn vốn đầu tư bên ngoài để XDGN, vươn lên làm giàu.

4.1 Về kinh tế:

- Kiên quyết xoá bỏ những tập tục sản xuất lạc hậu; sử dụng giống mới một cách hợp lý, khoa học; gieo trồng kịp thời, luân canh, thâm canh đúng vụ; kết hợp trồng trọt với chăn nuôi, phát triển ngành nghề truyền thống của địa phương.

- Tập trung chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi trong từng hộ gia đình, từng thôn, làng, tổ dân phố (gọi chung là thôn), từng xã, thị trấn. Xác định cây, con chủ lực; chuyển đổi diện tích gieo trồng những loại cây mang hiệu quả kinh tế thấp sang trồng những loại cây mang lại hiệu quả kinh tế cao. Đẩy mạnh chăn nuôi gia súc, gia cầm, chú trọng hơn việc chăn nuôi bò, lai cải tạo đàn bò địa phương, nâng tỉ lệ đàn bò lai từ 21,76% năm 2007 lên 30% vào năm 2010; đàn lợn lai từ 25,33% lên 50% vào năm 2010; Đến năm 2010 phải đảm bảo sử dụng 95% giống mới cho năng suất cao như lúa, ngô lai, cây sắn cao sản và đậu đỗ các loại v.v.

- Giải quyết tốt về chính sách ưu đãi theo chương trình 134, 135/CP từng bước nâng cao mức sống cho người đồng bào DTTS nghèo. Giải quyết tốt chương trình định canh - định cư, sắp xếp dân di cư tự do, bố trí dân cư một cách hợp lý;

- Tiếp tục khai hoang diện tích ruộng nước, sản xuất từ một vụ lên hai vụ; giao đất, khoán rừng theo mô hình hộ gia đình và cộng đồng làng theo quy định.

- Sản xuất luôn gắn với thị trường, quản lý tốt thị trường, bao tiêu sản phẩm.

4.2 Về đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng:

- Tiếp tục đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, kiên cố hoá kênh mương và thủy điện nhỏ. Đến năm 2010, 100% số làng có mạng lưới điện phục vụ đời sống và sản xuất.

Nghị quyết của Đảng bộ huyện; triển khai và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch về công tác XDGN đến từng cán bộ, đảng viên và nhân dân nhằm nâng cao nhận thức xoá đói giảm nghèo là một nội dung quan trọng trong chiến lược ổn định, phát triển kinh tế - xã hội bền vững; kế tục và phát huy truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc trong công tác XDGN.

Đảng bộ, Chi bộ cơ sở phải giữ vai trò nòng cốt chỉ đạo công tác xoá đói, giảm nghèo, phải nắm bắt cụ thể từng hộ nghèo để có biện pháp hỗ trợ trong từng thời kỳ, phấn đấu không còn cán bộ, đảng viên đói, nghèo để nêu gương cho quần chúng. Tổ chức kiểm tra, thống kê kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số: 03- NQ/ HU của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện “về công tác XDGN” ở các xã, thị trấn. Cập nhật thông tin về đói, nghèo kịp thời; định kỳ vào tháng 11 hàng năm, UBND các xã, thị trấn báo cáo công tác XDGN của địa phương mình về Ban chỉ đạo XDGN của huyện.

Phân công nhiệm vụ cho các cơ quan, ban, ngành, đơn vị như sau:

- Phòng Nội vụ - LĐ: Là cơ quan thường trực BCD XDGN của huyện, chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch XDGN giai đoạn 2006 - 2010 và định hướng đến 2020; xây dựng kế hoạch hàng năm có sự tham vấn của các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị; đánh giá hoạt động của chương trình, tổng hợp báo cáo cho UBND huyện theo định kỳ. Tổ chức kiện toàn BCD XDGN; bồi dưỡng cán bộ làm công tác XDGN, phối hợp với các ban, ngành liên quan thực hiện chính sách ưu đãi đối với người nghèo.

- Phòng Tài chính - Kế hoạch: Chủ trì, theo dõi, kiểm tra và phối hợp với các cơ quan liên quan xác định nguồn vốn hàng năm cho mục tiêu XDGN kể cả nguồn vốn lồng ghép các chương trình phát triển kinh tế - xã hội dành cho mục tiêu XDGN. Cấp phát kinh phí đầy đủ, kịp thời theo mục tiêu XDGN đã được duyệt.

- Phòng Dân tộc và Tôn giáo: Hàng năm phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng các dự án: Xây dựng kết cấu hạ tầng theo chương trình 135, 134, định canh định cư, di dân kinh tế mới (nếu có), chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo trình UBND huyện để báo cáo tỉnh. Phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn người nghèo cách làm ăn.

- Phòng Kinh tế: Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện xây dựng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, chuyển giao công nghệ, kỹ thuật sản xuất cho nhân dân.

- Phòng Tài nguyên - Môi trường: Giải quyết kịp thời đất ở, đất sản xuất cho các hộ nghèo theo quy định của Nhà nước.

- Phòng Hạ tầng kinh tế: Triển khai thực hiện tốt các chương trình dự án về giao thông nông thôn và các chương trình dự án khác khi được UBND huyện giao.

- Phòng Tư pháp huyện: Chủ trì, phối hợp cùng các ngành chức năng tăng cường công tác tuyên truyền kiến thức pháp luật về tận cơ sở trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

- Phòng Y tế, Bệnh viện Đa khoa huyện, Trung tâm Y tế dự phòng huyện: Thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh và cấp phát thuốc cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số và các chính sách hỗ trợ y tế cho cơ sở.

- Phòng Giáo dục: Triển khai tốt các chính sách hỗ trợ giáo dục cho học sinh nghèo, học sinh là con em dân tộc thiểu số, đối tượng chính sách, các làng, xã ĐBK.

- Cùng với việc nâng cấp tỉnh lộ 670, đường vào xã Ayun cần phải hoàn thành tuyến đường từ xã Kon Chiêng đi sang huyện IaPa. Đề nghị Nhà nước đầu tư đường từ xã Kon Thup đi Chư Sê, đẩy mạnh kiên cố hóa hệ thống giao thông nông thôn.

- Nâng cấp các Trạm Y tế xã, thị trấn và mua sắm các thiết bị y tế thiết yếu cần đủ số lượng, đảm bảo chất lượng, xây Trạm y tế đạt chuẩn quốc gia; xây dựng và mở rộng mô hình Trường bán trú; Xây dựng thêm và nâng cấp các Trường Trung học cơ sở, Tiểu học, Mầm non trên địa bàn huyện.

4.3 Về vốn:

- Huy động các nguồn vốn thuộc Ngân hàng nông nghiệp & PTNT huyện và Ngân hàng chính sách xã hội huyện, Quỹ hỗ trợ phát triển nông dân, quỹ Quốc gia giải quyết việc làm, quỹ của các ban, ngành, đoàn thể tạo cơ chế thoả cho hộ nghèo vay vốn sản xuất.

- Quản lý và sử dụng nguồn vốn của các chương trình dự án, vốn trong cộng đồng dân cư giúp nhau XĐGN.

4.4 Về phối hợp lực lượng:

- Nâng cao trách nhiệm các cấp uỷ Đảng, chính quyền và các ban, ngành đoàn thể ở địa phương; phát huy hơn nữa vai trò tích cực của các cơ quan, đơn vị đối với công tác phụ trách xã, làng ĐBKK, làng trọng điểm.

- Huy động sự giúp đỡ của các đơn vị lực lượng vũ trang, các doanh nghiệp nhà nước, các doanh nghiệp tư nhân đồng trên địa bàn huyện nêu cao tinh thần tương thân tương ái "lá lành đùm lá rách" cùng nhau làm công tác XĐGN.

4.5 Về nhân lực và bộ máy, cán bộ:

- Đào tạo nghề, bồi dưỡng nguồn nhân lực để nâng cao tay nghề, gửi đi đào tạo và tham gia xuất khẩu lao động ở nước ngoài. Hàng năm mở các lớp bồi dưỡng kiến thức về công tác khuyến công - nông - lâm - ngư, kiến thức làm công tác XĐGN cho cán bộ cấp cơ sở.

- Về tổ chức bộ máy và cán bộ: Củng cố lại Ban chỉ đạo XĐGN của huyện, của xã đủ mạnh để tổ chức thực hiện chương trình đạt hiệu quả cao nhất. Xây dựng lực lượng nòng cốt khuyến nông, khuyến lâm để mỗi xã ĐBKK có ít nhất 01 cán bộ hướng dẫn khuyến nông - lâm - ngư cho nhân dân; riêng ở các thôn, làng có 01 cộng tác viên khuyến nông.

- Bố trí cán bộ làm công tác xoá đói giảm nghèo ở cấp huyện và cấp xã có năng lực và nhiệt tình công tác; nâng cao năng lực chỉ đạo điều hành của các ban XĐGN từ huyện đến xã để thường xuyên theo dõi nắm bắt, cập nhật kịp thời hộ đói nghèo và nguyên nhân dẫn đến đói nghèo để có giải pháp thích hợp.

- Cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức đang công tác ở huyện, ở cơ sở được phân công, trực tiếp giúp hộ nghèo thoát nghèo bằng nhiều hình thức và coi đây là một trong những tiêu chí để xét thi đua khen thưởng.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Đối với cấp huyện:

Công tác chỉ đạo:

Các cấp uỷ Đảng từ huyện đến cơ sở tăng cường công tác giáo dục tư tưởng, tổ chức quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước,

- Phòng Văn hoá - Thông tin - Thể thao: Tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác XDGN. Triển khai dự án hỗ trợ người nghèo về Văn hoá - Thông tin - Thể thao (nếu có).

- Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện: Tăng cường công tác tuyên truyền, giới thiệu các gương hộ kinh tế giỏi, thoát nghèo, mô hình làm kinh tế hiệu quả.

- Trạm Khuyến nông huyện: Hướng dẫn nhân dân cách lao động và ứng dụng khoa học vào sản xuất; triển khai thực hiện tốt các dự án khuyến công - nông - lâm - ngư.

- Trạm Bảo vệ thực vật huyện: Hướng dẫn nhân dân phòng, chống dịch bệnh và chăm sóc cây trồng.

- Trạm Thú y huyện: Hướng dẫn nhân dân phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, các vật nuôi khác.

- Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT, Ngân hàng chính sách xã hội huyện: Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ tín dụng đối với người nghèo, người dân tộc thiểu số, đối tượng chính sách.

- Đề nghị UBMT TQVN huyện: Chủ trì phát động các phong trào toàn dân tham gia XDGN.

- Đề nghị Liên đoàn Lao động huyện, Hội LHPN, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Huyện đoàn và các tổ chức đoàn thể xã hội ở huyện lồng ghép các hoạt động của tổ chức mình với thực hiện chương trình XDGN.

- Đề nghị các cơ quan, đơn vị Trung ương, của tỉnh, các doanh nghiệp Nhà nước, các doanh nghiệp tư nhân đóng trên địa bàn huyện: Mỗi đơn vị chịu trách nhiệm giúp đỡ thực hiện công tác XDGN ở cơ sở (làng, xã).

2. Đối với cấp xã: Trên cơ sở Đề án xoá đói giảm nghèo, Kế hoạch giảm nghèo giai đoạn 2006 - 2010 của huyện, Chương trình hành động của UBND huyện về công tác xoá đói giảm nghèo giai đoạn 2007 - 2010 và định hướng đến 2020; các xã, thị trấn căn cứ vào Nghị Quyết của cấp ủy để xây dựng kế hoạch giảm nghèo giai đoạn 2006 - 2010 của địa phương mình, lập danh sách hộ đăng ký thoát nghèo qua từng năm, đề ra mục tiêu và giải pháp cụ thể nhằm triển khai thực hiện công tác XDGN đạt hiệu quả.

Củng cố Ban Chỉ đạo XDGN cấp xã, bố trí cán bộ làm công tác XDGN có năng lực và nhiệt tình công tác nhằm tạo ra hệ thống quản lý và giúp việc có hiệu quả cho cấp ủy và UBND cấp xã.

Trên đây là Chương trình hành động của UBND huyện Mang Yang về công tác XDGN giai đoạn 2007 - 2010 và định hướng đến năm 2020./.

Nơi nhận:

- Sở LĐTB và XH tỉnh (b/c);
- Thường trực HU (b/c);
- Thường trực HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu VT, VX, NVLD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH



LƯƠNG NGỌC THIỆP



THREE WORDS